

Giá lúa gạo hôm nay 26/10: Trong nước đi ngang, xuất khẩu phân hóa

06:53 26/10/2026

Giá lúa gạo hôm nay 26/10 tại Đồng bằng sông Cửu Long nhìn chung ổn định. Gạo nguyên liệu xuất khẩu duy trì quanh 7.500 - 9.400 đồng/kg, trong khi giá gạo bán lẻ ít biến động. Trên thị trường quốc tế, giá gạo Việt Nam giữ ở mức cao hơn Ấn Độ, còn xuất khẩu gạo của Việt Nam chịu sức ép giảm về lượng và giá trị.

Giá lúa gạo trong nước hôm nay ổn định

Thị trường lúa gạo ngày 26/10 tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long chưa ghi nhận biến động đáng kể. Theo cập nhật từ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang, giá gạo nguyên liệu phục vụ xuất khẩu tiếp tục duy trì ở nhiều mức khác nhau tùy chủng loại.

Cụ thể, gạo nguyên liệu IR 504 dao động 8.900 - 9.000 đồng/kg; CL 555 ở mức 8.800 - 8.900 đồng/kg. Gạo OM 5451 được giao dịch trong khoảng 9.300 - 9.400 đồng/kg, còn OM 18 dao động 8.700 - 8.850 đồng/kg.

Đối với gạo Đài Thơm 8, giá nguyên liệu ở mức 9.200 - 9.400 đồng/kg. Trong khi đó, OM 380 và Sóc thơm cùng dao động 7.500 - 7.600 đồng/kg.



Tại các chợ lẻ, giá gạo nhìn chung đi ngang. Gạo Nàng Nhen tiếp tục có mức giá cao nhất trong nhóm được khảo sát, khoảng 28.000 đồng/kg. Gạo Hương Lài và gạo Nhật cùng ở mức 22.000 đồng/kg; gạo thơm Thái hạt dài dao động 20.000 - 22.000 đồng/kg.

Các loại gạo phổ biến khác cũng giữ giá ổn định. Gạo Nàng Hoa được bán khoảng 21.000 đồng/kg; gạo trắng thông dụng ở mức 16.000 đồng/kg; gạo thường dao động 14.000 - 15.000 đồng/kg. Gạo Sóc thường có giá 15.000 - 16.000 đồng/kg, còn gạo thơm Jasmine ở mức 17.000 - 18.000 đồng/kg.

Gạo Đài Thơm 8 và OM 18 cùng được bán trong khoảng 15.000 - 16.000 đồng/kg. Gạo Sóc Thái duy trì mức 20.000 đồng/kg.

Ở phân khúc nếp, thị trường không có thay đổi so với ngày trước đó. Nếp 3 tháng khô được giao dịch ở mức 9.600 - 9.700 đồng/kg; nếp IR 4625 tươi và IR 5625 tươi cùng dao động 7.300 - 7.500 đồng/kg.

Giá lúa tươi duy trì trong khoảng 5.900 - 6.600 đồng/kg

Đối với mặt hàng lúa tươi, giá thu mua tại các địa phương thuộc Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục ổn định, với mức cao nhất ghi nhận ở nhóm lúa thơm và một số giống chất lượng cao.

Cụ thể, lúa tươi Đài Thơm 8 dao động 6.300 - 6.500 đồng/kg; IR 50404 ở mức 5.900 - 6.100 đồng/kg. Lúa OM 34 được thu mua khoảng 5.900 - 6.000 đồng/kg, trong khi OM 5451 dao động 6.100 - 6.200 đồng/kg.

Lúa tươi OM 18 có giá 6.400 - 6.600 đồng/kg. Đối với giống DS1, giá thu mua đạt khoảng 6.500 - 6.600 đồng/kg.

Nhìn chung, giá lúa gạo trong nước chưa xuất hiện biến động lớn. Diễn biến thị trường thời gian tới sẽ phụ thuộc vào nhu cầu thu mua của doanh nghiệp, tiến độ giao hàng xuất khẩu và nguồn cung lúa hàng hóa tại các địa phương.

Giá gạo xuất khẩu Việt Nam giữ ổn định

Trên thị trường quốc tế, giá gạo tại các quốc gia xuất khẩu chủ lực không có nhiều thay đổi. Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, gạo thơm 5% tấm của Việt Nam được giao dịch trong khoảng 470 - 475 USD/tấn; gạo trắng 5% tấm ở mức 423 - 427 USD/tấn, còn gạo Jasmine dao động 518 - 522 USD/tấn.

Tại Thái Lan, giá chào bán gạo trắng 5% tấm ở mức 474 - 478 USD/tấn, cao hơn nhẹ so với gạo trắng cùng loại của Việt Nam.

Trong khi đó, gạo trắng 5% tấm của Ấn Độ được chào bán trong khoảng 384 - 388 USD/tấn; gạo đỏ 5% tấm dao động 380 - 384 USD/tấn. Tại Pakistan, giá gạo trắng 5% tấm đạt 408 - 412 USD/tấn.

Mặt bằng giá cho thấy gạo Việt Nam tiếp tục duy trì sức cạnh tranh ở nhiều phân khúc, nhưng vẫn chịu áp lực từ các quốc gia có giá chào bán thấp hơn, đặc biệt là Ấn Độ. Nhu cầu nhập khẩu, chất lượng gạo và tiến độ giao hàng sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến khả năng giữ giá của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam.

Xuất khẩu gạo chịu sức ép về lượng và giá trị

Theo số liệu được cung cấp từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công Thương, khối lượng xuất khẩu gạo trong tháng 9/2026 đạt 6,4 triệu tấn, trị giá 3,11 tỷ USD, giảm lần lượt 6,1% về khối lượng và 10,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2025. Giá gạo xuất khẩu bình quân 9 tháng năm 2026 đạt 484,8 USD/tấn, giảm 5,1% so với cùng kỳ.

Philippines tiếp tục là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm 40,9% thị phần. Trung Quốc đứng thứ hai với 17,4%, tiếp theo là Ghana với 12,7%.

Trong nhóm 15 thị trường xuất khẩu lớn nhất, giá trị xuất khẩu gạo sang Iraq tăng mạnh nhất, gấp khoảng 110 lần. Trung Quốc tăng hơn 92%, trong khi Bờ Biển Ngà giảm hơn 55%.

Sự phân hóa này cho thấy thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam đang có những thay đổi đáng chú ý giữa các đối tác. Việc mở rộng thị trường có thể tạo thêm cơ hội cho doanh nghiệp, nhưng mức giảm của giá xuất khẩu bình quân cũng đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng, tối ưu chi phí và tăng tỷ trọng sản phẩm có

giá trị cao.

Trong ngắn hạn, giá lúa gạo trong nước được dự báo tiếp tục phụ thuộc vào sức mua của doanh nghiệp và diễn biến đơn hàng xuất khẩu. Khi giá thu mua nội địa vẫn ổn định nhưng giá xuất khẩu bình quân giảm, khả năng duy trì biên lợi nhuận sẽ là vấn đề cần quan tâm đối với doanh nghiệp trong chuỗi lúa gạo.

Phương Phương